

Số: 34/2014/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 16 tháng 9 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Quy định về phân loại đường, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng các tuyến đường trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Thông tư số 02/2010/TT-BXD ngày 05/02/2010 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia Các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/04/2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1670/TTr-SXD ngày 29/8/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về phân loại đường, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng các tuyến đường trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (gồm 93 tuyến đường có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quy định này là căn cứ để các ngành chức năng của tỉnh và địa phương thực hiện quản lý quy hoạch và quản lý xây dựng đối với công trình xây dựng dọc theo các tuyến đường.

Điều 3. Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một chủ trì phối hợp cùng các ngành, địa phương có liên quan phổ biến rộng rãi và triển khai thực hiện.

Quyết định này thay thế Quyết định số 52/1998/QĐ-UB ngày 20/04/1998 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về điều chỉnh kích thước chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, tầm nhìn giao thông các trục đường trong thị xã Thủ Dầu Một và Quyết định số 53/2006/QĐ-UB ngày 28/02/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc Quy định chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng cho một số tuyến đường trên địa bàn thị xã Thủ Dầu Một.

Điều 4. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông - Vận tải; thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC
(Đã ký)
Trần Văn Nam

BẢNG QUY ĐỊNH
Về phân loại đường, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng các tuyến đường trên
địa bàn TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
(Ban hành kèm theo Quyết định số 34/2014/QĐ-UBND ngày 16/09/2014
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

tt	Tên đường	Hướng tuyến		Loại đường	CGĐĐ (m)		CGXD (m)		Tầm nhìn giao lộ tối thiểu (m)
		từ ...	đến ...		trái	phải	trái	phải	
1	ĐL Bình Dương (QL13)	Cổng suối Cát	Ranh xã Tân Định (Bến Cát)	2. Đường trục chính ĐT	18	18	21	21	55
2	Huỳnh Văn Lũy			2. Đường trục chính ĐT					40
	- Đoạn A	ĐL Bình Dương	Phạm Ngọc Thạch		12	12	15	15	
	- Đoạn B	Phạm Ngọc Thạch	Tạo lực 6		19	19	22	22	
	- Đoạn C	Tạo lực 6	Ranh KLH CN-DV-ĐT BD		19,25	19,25	22,25	22,25	
3	CMT8	ĐL Bình Dương	Ranh TXT Thuận An	2. Đường trục chính ĐT	9	9	11	11	40
4	Nguyễn Văn Thành (ĐT741)	ĐL Bình Dương	Ranh xã Hòa Lợi	2. Đường trục chính ĐT	27	27	30	30	40
5	Nguyễn Chí Thanh	ĐL Bình Dương	Cầu ông Cộ	2. Đường trục chính ĐT	15	15	18	18	40
6	Phạm Ngọc Thạch	ĐL Bình Dương	Huỳnh Văn Lũy	2. Đường trục chính ĐT	25,75	25,75	25,75 +KL	25,75 +KL	40
7	Đường vào TTHC tỉnh	Phạm Ngọc Thạch	Tạo lực 6	2. Đường trục chính ĐT	25,75	25,75	25,75 +KL	25,75 +KL	40
8	Bs Yersin			2. Đường trục chính ĐT					40
	- Đoạn A	ĐL Bình Dương	Ấu Cơ		12	12	12	12	
	- Đoạn B	Ấu Cơ	Ngã 6 TP TDM		9	9	9	9	
9	Phú Lợi			2. Đường trục chính ĐT					40
	- Đoạn A	Ngã 4 chợ Đình	Đường MP-TV		16	16	16	16	
	- Đoạn B	Đường MP-TV	Ranh TX. Thuận An		27	27	27	27	
10	30 tháng 4	Phú Lợi	Ngã 3 Cây nhang	2. Đường trục chính ĐT	11	11	14	14	40
tt	Tên đường	Hướng tuyến		Loại đường	CGĐĐ (m)		CGXD (m)		Tầm nhìn giao
		từ ...	đến ...		trái	phải	trái	phải	

									lộ tối thiểu (m)
11	Mỹ Phước - Tân Vạn			2. Đường trục chính ĐT					40
	- Đoạn A	Suối Cát (Thuận An)	Ranh Phú Lợi - Phú Mỹ		27	27	33	33	
	- Đoạn B	Ranh Phú Lợi - Phú Mỹ	Suối Giữa		20	20	30	30	
	- Đoạn C	Suối Giữa	Tạo lực 6		37,5	37,5	40,5	40,5	
	- Đoạn D	Tạo lực 6	ĐT741		31	31	34	34	
12	Huỳnh Văn Cù	Cầu Phú Cường	ĐL Bình Dương	2. Đường trục chính ĐT	13	13	16	16	40
13	Lê Chí Dân			3. Đường trục ĐT					40
	- Đoạn A	ĐL Bình Dương	Phan Đăng Lưu		15	15	18	18	
	- Đoạn B	Phan Đăng Lưu	Hồ Văn Cống		14	14	17	17	
14	Bùi Ngọc Thu	Hồ Văn Cống	ĐL Bình Dương	3. Đường trục ĐT	11	11	11	11	40
15	Trần Ngọc Lên	ĐL Bình Dương	Huỳnh Văn Lũy	3. Đường trục ĐT	15	15	18	18	40
16	Phan Đăng Lưu (Hương lộ 18)			3. Đường trục ĐT					40
	- Đoạn A	ĐL Bình Dương	Nguyễn Chí Thanh		15	15	18	18	
	- Đoạn B	Nguyễn Chí Thanh	Đinh Tân An		14	14	14	14	
17	Nguyễn Văn Cừ (Hương lộ 16)	Cầu bà Cô	Huỳnh Văn Cù	3. Đường trục ĐT	16	16	19	19	40
18	Lê Hồng Phong			3. Đường trục ĐT					40
	- Đoạn A	Huỳnh Văn Lũy	ĐL Bình Dương		11	11	14	14	
	- Đoạn B	ĐL Bình Dương	Cty Lotte VN		9	9	11	11	
19	Trần Văn Ôn (Đường vào trường CĐSP)	Phú Lợi	ĐL Bình Dương	3. Đường trục ĐT	13,5	13,5	16,5	16,5	40
20	Nguyễn Tri Phương			3. Đường trục ĐT					40
	- Đoạn A	Võ Minh Đức	Cầu Thủ Ngự		11	11	14	14	
	- Đoạn B	Cầu Thủ Ngự	Đoàn Trần Nghiệp		11	11	Không XD	14	
21	Lý Thường Kiệt			5. Đường chính KV					40
	- Đoạn A	Đoàn Trần Nghiệp	Văn Công Khai		6	6	6	6	
	- Đoạn B	Văn Công Khai	CMT8		8	8	9	9	
22	Hùng Vương	Đoàn Trần Nghiệp	CMT8	5. Đường chính KV	7	7	7	7	40
tt	Tên đường	Hướng tuyến		Loại đường	CGDD (m)		CGXD (m)		Tầm nhìn giao lộ tối thiểu
		từ ...	đến ...		trái	phải	trái	phải	

									(m)
23	Bạch Đằng			5. Đường chính KV					40
	- Đoạn A	Trường công binh	Miếu tử trận		7	7	-	8,5	
	- Đoạn B	Miếu tử trận	Cầu ông Kiêm		7	7	8,5	8,5	
	- Đoạn C	Cầu ông Kiêm	Đình Bộ Lĩnh		12	12	16	-	
	- Đoạn D	Đình Bộ Lĩnh	Đoàn Trần Nghiệp		7	7	8,5	-	
24	Ngô Quyền	Phạm Ngũ Lão	Bạch Đằng	5. Đường chính KV	8	8	10	10	40
25	Nguyễn Văn Tiết	Miếu tử trận	ĐL Bình Dương	5. Đường chính KV	7	7	7	7	40
26	Phạm Ngũ Lão	Bs.Yersin	ĐL Bình Dương	5. Đường chính KV	7	7	7	7	40
27	Thích Quảng Đức	30-4	CMT8	3. Đường trục ĐT	10	10	12	12	40
28	Ngô Gia Tự	ĐL Bình Dương	CMT8	3. Đường trục ĐT	15	15	15	15	40
29	Nguyễn Thị Minh Khai	Phú Lợi	Suối Cát	3. Đường trục ĐT	14	14	18	18	40
30	Tạo lực 6	Ranh phường Hoà Phú	ĐL Bình Dương	3. Đường trục ĐT	23,3	23,3	26,3	26,3	40
31	Phạm Ngũ Lão nổi dài	ĐL Bình Dương	Huỳnh Văn Lũy	3. Đường trục ĐT	9,5	9,5	12,5	12,5	40
32	An Mỹ - Phú Mỹ	Huỳnh Văn Lũy	Trường tiểu học An Mỹ	4. Đường liên KV	14	14	18	18	40
33	Đường nối An Mỹ - Phú Mỹ	An Mỹ - Phú Mỹ	Huỳnh Văn Lũy	4. Đường liên KV	14	14	18	18	40
34	Đồng Cây Việt	Huỳnh Văn Lũy	Cuối tuyến	4. Đường liên KV	14	14	18	18	40
35	Lò chén	CMT8	Bàu Bàng	5. Đường chính KV	7	7	7	7	40
36	Bàu Bàng	Nguyễn Tri Phương	CMT8	5. Đường chính KV	7	7	7	7	40
37	Bùi Quốc Khánh			5. Đường chính KV					40
	- Đoạn A	Ngã 3 cây dầu	30/4		7	7	7	7	
	- Đoạn B	Ngã 3 cây sò đo	Nguyễn Tri Phương		7	7	7	7	
38	Trần Bình Trọng	Đường CMT8	ĐL Bình Dương	4. Đường liên KV	11	11	14	14	40
39	Bùi Văn Bình	Phú Lợi	Mỹ Phước - Tân Vạn	4. Đường liên KV	14	14	18	18	40
40	Trần Phú	Thích Quảng Đức	Đường 30/4	5. Đường chính KV	9	9	9	9	40
41	Huỳnh Thị Hiếu	Chợ Tân An	Rạch Bến Chanh	4. Đường liên KV	16	16	16	16	40
tt	Tên đường	Hướng tuyến		Loại đường	CGĐĐ (m)		CGXD (m)		Tầm nhìn giao lộ tối thiểu (m)
		từ ...	đến ...		trái	phải	trái	phải	
42	Nguyễn Đức Thuận	ĐL Bình Dương	Phạm Ngọc Thạch	4. Đường liên KV	14	14	18	18	40

43	1 tháng 12	Phú Lợi	Nhà tù Phú Lợi	4. Đường liên KV	14	14	18	18	40
44	Lê Hồng Phong - 30/4	Lê Hồng Phong	30/4	4. Đường liên KV	10,5	10,5	13,5	13,5	40
45	CMT8 - Nguyễn Tri Phương	CMT8	Nguyễn Tri Phương	4. Đường liên KV	9,5	9,5	12,5	12,5	40
46	Kho K8 - Huỳnh Văn Lũy	Hoàng Hoa Thám	Km1,034	4. Đường liên KV	9,5	9,5	12,5	12,5	40
47	Liên khu 11-12 Phú Cường	Huỳnh Văn Cù	Nguyễn Văn Tiêt	4. Đường liên KV	10	10	13	13	40
48	Chùa Hội Khánh	Đường Yersin	Cuối tuyến	4. Đường KV	11	11	16	16	40
49	Huỳnh Thị Châu	Bùi Ngọc Thu	Phan Đăng Lưu	5. Đường chính KV	11	11	14	14	30
50	Nguyễn Thái Bình	Phú Lợi	KDC ARECO	5. Đường chính KV	14	14	18	18	30
51	Trương Bông Bông	Nguyễn Văn Thành	Nghĩa trang ND TPTDM	5. Đường chính KV	14	14	18	18	30
52	Phan Đình Giót	CMT8	Thích Quảng Đức	5. Đường chính KV	7	7	7	7	30
53	Ngô Chí Quốc	Nguyễn Văn Tiêt	Ngô Quyền	5. Đường KV	6	6	6	6	30
54	Võ Thành Long (Bến Bắc)	Bs Yersin	Thích Quảng Đức	5. Đường KV	6	6	6	6	30
55	Hoàng Hoa Thám	Giao lộ ĐL Bình Dương	ĐL Bình Dương	5. Đường chính KV	7	7	7	7	30
56	Hồ Văn Cống (Hương lộ 17)	ĐL Bình Dương	Phan Đăng Lưu	5. Đường chính KV	14	14	14	14	30
57	Lê Thị Trung	Phú Lợi	Huỳnh Văn Lũy	5. Đường chính KV	7	7	10	10	30
58	Huỳnh Văn Nghệ	Phú Lợi	Huỳnh Văn Lũy	5. Đường chính KV	10	10	13	13	30
59	Ngô Văn Trị	Phú Lợi	Đoàn Thị Liên	5. Đường KV	7	7	10	10	30
60	Trịnh Hoài Đức	Ngô Văn Trị	Cuối tuyến	5. Đường KV	7	7	10	10	30
61	Nguyễn Văn Lên	Đoàn Thị Liên	Huỳnh Văn Lũy	5. Đường KV	7	7	10	10	30
62	Đoàn Thị Liên	Đường cấp phối	Lê Hồng Phong	5. Đường KV	7	7	10	10	30
63	Nguyễn Văn Lộng (Cây trôm Chánh Mỹ)			5. Đường chính KV					30
	- Đoạn A	ĐL Bình Dương	Ngã 3 đường N9		9,5	9,5	12	12	
	- Đoạn B	Ngã 3 đường N9	Huỳnh Văn Cù		9,5	9,5	14	14	
64	Hoàng Văn thụ	Thích Quảng Đức	Cuối tuyến	5. Đường liên KV	15	15	15	15	30
65	Nguyễn Đình Chiểu	Võ Thành Long	Trần Hưng Đạo	6. Đường KV	7	7	7	7	30
66	Quang Trung	Ngã 6 TP TDM	UBND TP TDM	6. Đường KV	13	13	13	13	30
67	Trần Hưng Đạo	Ngã 6 TP TDM	Nguyễn Thái Học	6. Đường KV	10	12	10	12	30
68	Nguyễn Du	CMT8	Bs.Yersin	6. Đường KV	11	11	không XD	11	30
tt	Tên đường	Hướng tuyến		Loại đường	CGĐĐ (m)		CGXD (m)		Tầm nhìn giao lộ tối thiểu (m)
		từ ...	đến ...		trái	phải	trái	phải	
69	Võ Minh Đức	Ngã 3 Cây Nhang	Cty Lotte VN	6. Đường KV	11	11	14	14	30
70	Phan Bội Châu (Đường cảng Bà Lụa)	Võ Minh Đức	Cảng Bà Lụa	6. Đường KV	11	11	14	14	30
71	Đinh Bộ Lĩnh	Bạch Đằng	Trần Hưng Đạo	6. Đường KV	7	7	7	7	30

72	Điểu Ong	Bạch Đằng	Ngô Tùng Châu	6. Đường KV	6	5	6	5	30
73	Bà Triệu	Trừ Văn Thố	Hùng Vương	6. Đường KV	5	5	5	5	30
74	Nguyễn Thái Học	Trần Hưng Đạo	Bạch Đằng	6. Đường KV	5,5	6,5	5,5	6,5	30
75	Đoàn Trần Nghiệp	Hùng Vương	Bạch Đằng	6. Đường KV	6,5	5,5	6,5	5,5	30
76	Lê Lợi	Nguyễn Thái Học	Quang Trung	6. Đường KV	6	6	6	6	30
77	Ngô Tùng Châu	Đinh Bộ Lĩnh	Nguyễn Thái Học	6. Đường KV	5	5	5	5	30
78	Trừ Văn Thố			6. Đường KV					30
	- Đoạn A	Đinh Bộ Lĩnh	Nguyễn Thái Học		5	5	5	5	
	- Đoạn B	Đoàn Trần Nghiệp	Văn Công Khai		5	5	5	5	
79	Hai Bà Trưng	Đoàn Trần Nghiệp	Văn Công Khai	6. Đường KV	6	6	6	6	30
80	Văn Công Khai	Bàu Bàng	Hùng Vương	6. Đường KV	9	9	9	9	30
81	Nguyễn Trãi	Hùng Vương	CMT8	6. Đường KV	5	5	5	5	30
82	Lê Văn Tám (Đường nhánh phụ)	Nguyễn Trãi	Thầy giáo Chương	6. Đường KV	5	5	5	5	30
83	Thầy giáo Chương	Hùng Vương	CMT8	6. Đường KV	5	5	5	5	30
84	Nguyễn An Ninh	CMT8	Lý Thường Kiệt	6. Đường KV	5	5	5	5	30
85	Lạc Long Quân	Nguyễn Văn Tiết	Nhà chung giáo phận Phú Cường	6. Đường KV	7	7	7	7	30
86	Tú Xương (Đường ngang nối dài)	CMT8	Nguyễn Văn Tiết	6. Đường KV	5	5	5	5	30
87	Ấu Cơ	Bs.Yersin	Cuối tuyến	6. Đường KV	6	6	6	6	30
88	Nguyễn Văn Hồn (Đường nhánh Ấu Cơ)	Bs.Yersin	Ấu Cơ	6. Đường KV	6	6	6	6	30
89	Đường Lò Lu	Hồ Văn Cống	Lê Chí Dân	6. Đường KV	5	5	5	5	30
90	Lê Văn Tách	Hồ Văn Cống	Cuối tuyến	6. Đường KV	8	8	11	11	30
91	Lý Tự Trọng	Nguyễn Tri Phương	Phan Bội Châu	6. Đường KV	11	11	14	14	30
92	Xóm Guốc	Phan Bội Châu	Lý Tự Trọng	6. Đường KV	12	12	15	15	30
93	Đường vào TTHC phường Hiệp An	Phan Đăng Lưu	Lê Chí Dân	6. Đường KV	11	11	14	14	30

*** Ghi chú:**

* Chỉ giới đường đỏ là đường ranh giới phân định giữa phần lô đất để xây dựng công trình và phần đất được dành cho đường giao thông hoặc các công trình kỹ thuật hạ tầng.

* Chỉ giới xây dựng là đường giới hạn cho phép xây dựng nhà, công trình trên lô đất. Tại quy định này, chỉ giới xây dựng là quy định tối thiểu. Việc áp dụng chỉ giới xây dựng để quản lý xây dựng được thực hiện theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Theo thiết kế đô thị được duyệt.
- Theo đồ án quy hoạch phân khu (hoặc quy hoạch chi tiết) được duyệt.
- Theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2008/BXD.

Trường hợp chỉ giới xây dựng trùng với chỉ giới đường đỏ chỉ áp dụng đối với các công trình có chiều cao dưới 19m, còn các công trình có chiều cao trên 19m thì áp dụng khoảng lùi xây dựng theo quy định tại Bảng 2.5 - Điểm 2.8.5 - Khoản 2.8 - Chương II của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng.

+ Trường hợp khoảng lùi xây dựng áp dụng theo 1 trong 3 nội dung nêu trên mà nhỏ hơn khoảng lùi xây dựng theo quy định chỉ giới xây dựng tại quy định này thì áp dụng theo quy định này.

+ Trường hợp giữa Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị Thủ Dầu Một và Quyết định này về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng không khớp nhau thì áp dụng theo Quyết định này.

* Các loại đường trong TP Thủ Dầu Một được quy định theo Bảng 4.4 - Điểm 2 - Khoản 4.3.3 - Mục 4.3 - Chương 4 của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật, bao gồm:

2. Đường trục chính đô thị (Đường trục chính ĐT): 4 làn xe 2 chiều (chiều rộng 1 làn xe 3,75m).

3. Đường trục đô thị (Đường trục ĐT): 4 làn xe 2 chiều (chiều rộng 1 làn xe 3,75m).

4. Đường liên khu vực (Đường liên KV): 4 làn xe 2 chiều (chiều rộng 1 làn xe 3,75m).

5. Đường chính khu vực (Đường chính KV): 2 làn xe 2 chiều (chiều rộng 1 làn xe 3,5m).

6. Đường khu vực (Đường KV): 2 làn xe 2 chiều (chiều rộng 1 làn xe 3,5m).

* Tầm nhìn tối thiểu quy đổi lấy từ tim các giao lộ ra hai hướng về phía khu đất cần xác định vát góc, tương ứng với 3 cấp đường như sau:

- Đường cấp đô thị (đường trục chính đô thị, đường trục đô thị, đường liên khu vực): tầm nhìn tối thiểu của ĐL Bình Dương là 55m, tầm nhìn tối thiểu của các tuyến đường cấp đô thị còn lại là 40m.

- Đường cấp khu vực (đường chính khu vực, đường khu vực): tầm nhìn tối thiểu là 30m.